

**BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN : Thực tập Tốt nghiệp**  
**LỚP : QUẢN TRỊ KINH DOANH 20/4 - KHÓA 20: CHÍNH QUY - BẬC: TCCN**  
**Giảng viên phụ trách : Nguyễn Đức Trung**


STT	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Loan	<b>Anh</b>	18/12/86	0.0	Không	Copy
2	Võ Tứ	<b>Anh</b>	08/05/90	7.0	Bảy chẵn	
3	Võ Thị Bích	<b>Chiêu</b>	07/08/91		Không	
4	Bùi Minh	<b>Cường</b>	06/11/91		Không	
5	Lê Thành	<b>Danh</b>	06/04/86	6.0	Sáu chẵn	
6	Mạch Tuấn	<b>Dũng</b>	02/11/91	6.0	Sáu chẵn	
7	Nguyễn Thanh	<b>Dũng</b>	18/11/90		Không	
8	Phan Lê Minh	<b>Dũng</b>	19/10/91	6.0	Sáu chẵn	
9	Chung Vĩ	<b>Đạt</b>	18/04/91	0.0	Không	Copy
10	Đình Thị Hương	<b>Giang</b>	02/05/86	6.0	Sáu chẵn	
11	Nguyễn Hoàng	<b>Giang</b>	12/12/91	7.0	Bảy chẵn	
12	Trần Ngọc	<b>Giàu</b>	09/08/89	6.0	Sáu chẵn	
13	Châu Kim	<b>Hà</b>	17/05/91	5.0	Năm chẵn	
14	Trần Đức Phương	<b>Hạnh</b>	07/09/89	8.0	Tám chẵn	
15	Tô Minh	<b>Hậu</b>	05/05/91	5.0	Năm chẵn	
16	Đình Quang	<b>Hiền</b>	29/07/85	7.0	Bảy chẵn	
17	Huỳnh Thị	<b>Hiền</b>	05/06/89		Không	
18	Trần Thị	<b>Hoa</b>	20/08/91	8.0	Tám chẵn	
19	Lê Văn	<b>Hoàng</b>	06/11/89		Không	
20	Nguyễn Cao	<b>Hùng</b>	17/10/86		Không	
21	Nguyễn Thị Bé	<b>Hương</b>	19/12/90	7.0	Bảy chẵn	
22	Trần Thị Mỹ	<b>Hương</b>	00/00/91	8.0	Tám chẵn	
23	Lê Xuân	<b>Huy</b>	23/07/89	9.0	Chín chẵn	
24	Trần Quốc	<b>Huy</b>	05/03/90		Không	
25	Ngô Vũ	<b>Khoa</b>	01/03/90	6.0	Sáu chẵn	
26	Ngô Kiên	<b>Lâm</b>	08/03/91	6.0	Sáu chẵn	
27	Đặng Thị Thùy	<b>Linh</b>	03/02/91	6.0	Sáu chẵn	
28	Nguyễn Thị Phương	<b>Ly</b>	12/04/91		Không	
29	Nguyễn Trần Thiên	<b>Lý</b>	09/11/90	6.0	Sáu chẵn	
30	Phan Nhật	<b>Minh</b>	07/06/90		Không	
31	Nguyễn Thị Diễm	<b>My</b>	10/04/91	8.0	Tám chẵn	
32	Nguyễn Như	<b>Ngọc</b>	05/03/88	8.0	Tám chẵn	
33	Trần Ái	<b>Ngọc</b>	16/07/91	7.0	Bảy chẵn	
34	Lưu Thành	<b>Nhân</b>	03/03/90		Không	
35	Nguyễn Trần Minh	<b>Nhật</b>	24/07/91		Không	
36	Huỳnh Tấn	<b>Phát</b>	25/02/91	7.0	Bảy chẵn	

STT	Họ và Tên		Ngày sinh	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
37	Nguyễn Hữu	<b>Phú</b>	18/07/91	5.0	Năm chẵn	
38	Lê Đoàn Anh	<b>Quân</b>	29/07/91	5.0	Năm chẵn	
39	Lê Thanh	<b>Sang</b>	15/10/90		Không	
40	Huỳnh Thuận	<b>Tâm</b>	06/05/91	5.0	Năm chẵn	
41	Trương Cẩm	<b>Thái</b>	28/07/91	6.0	Sáu chẵn	
42	Đặng Văn	<b>Thanh</b>	20/11/91	5.0	Năm chẵn	
43	Phạm Thị	<b>Thanh</b>	13/03/91	5.0	Năm chẵn	
44	Lê Văn	<b>Thành</b>	06/05/89		Không	
45	Liêu Cẩm	<b>Thành</b>	06/04/91	6.0	Sáu chẵn	
46	Lê Ngọc	<b>Thảo</b>	05/11/91	5.0	Năm chẵn	
47	Nguyễn Thị Ngọc	<b>Thảo</b>	07/01/91	6.0	Sáu chẵn	
48	Trần Thị Phương	<b>Thảo</b>	04/08/91		Không	
49	Nguyễn Thị Anh	<b>Thư</b>	04/08/89		Không	
50	Hạng Dương	<b>Thủy</b>	04/03/91	5.0	Năm chẵn	
51	Đoàn Nguyễn Thanh	<b>Trà</b>	30/11/89	9.0	Chín chẵn	
52	Bùi Thị Mỹ	<b>Trâm</b>	25/05/91	7.0	Bảy chẵn	
53	Trương Lưu Bích	<b>Trâm</b>	27/01/91	7.0	Bảy chẵn	
54	Nguyễn Hữu	<b>Trí</b>	00/00/91	6.0	Sáu chẵn	
55	Châu Thị Minh	<b>Trúc</b>	17/09/90	5.0	Năm chẵn	
56	Phan Thị Thanh	<b>Trúc</b>	18/04/90	5.0	Năm chẵn	
57	Lê Nguyễn Thanh	<b>Trung</b>	05/02/91	5.0	Năm chẵn	
58	Trần Phúc	<b>Trường</b>	22/08/91	6.0	Sáu chẵn	
59	Mai Thị Cẩm	<b>Tú</b>	27/10/90	7.0	Bảy chẵn	
60	Lê Thị Thanh	<b>Tường</b>	08/02/91	6.0	Sáu chẵn	
61	Võ Hoàng	<b>Vũ</b>	12/11/91	5.0	Năm chẵn	
62	Ngô Hồng	<b>Xây</b>	15/08/85	8.0	Tám chẵn	
63	Tân Minh	<b>Ý</b>	02/02/91	5.0	Năm chẵn	

Ngày 15 tháng 06 năm 2011

Giảng viên chấm I ký tên  
( giảng viên phụ trách giảng dạy )

Giảng viên chấm II ký tên

  
Nguyễn Đức Trung.